

Bản án số: 01/2025/DS-ST  
Ngày: 09 - 7 - 2025  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản, hui

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Tiền.

Ông Đoàn Văn Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 507/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1990. Có mặt

2. Bà Phạm Hà M, sinh năm 1993. Có mặt

Cùng cư trú tại: Tổ 22, ấp KM, xã MĐ, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P, bà Phạm Hà M: Ông Trần H Y, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp PH, xã PH, tỉnh An Giang. (Hợp đồng ủy quyền ngày 22/10/2024). Có mặt

- Bị đơn:

1. Ông Hà Thanh V, sinh năm 1981. Vắng mặt

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1986. Vắng mặt

Cùng cư trú tại: Tổ 20, ấp MT, xã MĐ, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần H Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vợ chồng ông V, bà T là cặp vợ chồng ruột của vợ chồng ông P và bà M. Từ tháng 10/2017 đến tháng 02/2024, ông P, bà M nhiều lần cho ông V, bà T vay tiền để làm ăn và tham gia hội do ông bà làm chủ, cụ thể như sau:

- Từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2020 tổng cộng ông V, bà T đã vay 620.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Do là người trong gia đình nên hai bên không lập thành văn bản, thời hạn trả vốn gốc không thỏa thuận cụ thể, chỉ thống nhất khi nào ông P, bà M cần vốn thì báo trước cho ông V, bà T khoảng 01 tháng để lo trả lại. Các lần vay và tiền lãi ông V, bà T đã thanh toán như sau:

+ Tháng 10/2017 vay 130.000.000đ, lãi suất đã thanh toán đến tháng 04/2023, tổng cộng là 171.600.000đ.

+ Tháng 08/2018 vay 220.000.000đ, lãi suất đã thanh toán đến tháng 04/2023, tổng cộng là 246.000.000đ.

+ Tháng 11/2019 vay 120.000.000đ, lãi suất đã thanh toán đến tháng 04/2023, tổng cộng 98.400.000đ.

+ Tháng 12/2020 cho vay 150.000.000đ, lãi suất đã thanh toán đến tháng 04/2023, tổng cộng 48.000.000đ.

+ Tổng tiền lãi đã đóng đến tháng 04/2023 là 736.000.000đ, từ tháng 05/2023 ông V, bà T ngưng đóng lãi. Tháng 10/2023 sau nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ gốc thì ông bà trả được 25.000.000đ.

- Tiền hội ông P, bà M tham gia do ông V, bà T làm chủ bắt đầu khai vào ngày 17/10/2021 và kết thúc vào ngày 17/02/2024, đóng tiền vào ngày 17 hàng tháng, tổng cộng 36 phần. Do tin tưởng là người trong gia đình nên ông P, bà M không tìm hiểu, không làm giấy tờ và không nắm rõ thành viên tham gia hội. Từ ngày 17/10/2021 đến ngày 17/02/2024 ông P, bà M đã đóng hội được 15.400.000đ, sau đó ông V, bà T tuyên bố vỡ hội.

Ông P, bà M đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông V, bà T thanh toán tiền nợ vay và tiền hui nhưng ông V, bà T không có hướng giải quyết và thách thức thưa kiện. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên ông P, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông V, bà T trả một lần với tổng số tiền là 800.800.000đ, trong đó: Nợ gốc vay 595.000.000đ, lãi suất theo quy định của pháp luật 1,67%/tháng tính từ tháng 05/2023 đến tháng 08/2024 đối với nợ gốc vay 595.000.000đ, không yêu cầu tính lãi phát sinh sau tháng 08/2024 là 190.400.000 đồng, tiền hui là 15.400.000đ, không yêu cầu tính lãi đối với tiền hui.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2025 bị đơn ông Hà Thanh V và bà Trần Thị T trình bày:*

Ông V, bà T thống nhất còn nợ ông P, bà M số tiền 800.800.000đ, trong đó: Nợ gốc vay 595.000.000đ, tiền lãi từ tháng 5/2023 đến tháng 8/2024 là 190.400.000đ, nợ tiền hui 15.400.000đ. Yêu cầu ông P, bà M cho trả dần theo mùa lúa, mỗi mùa trả 10.000.000đ.

*Tại phiên tòa,*

*Ông Trần H Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

- Ông P, bà M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ gốc vay 99.066.000đ và tiền lãi 66.167.000đ. Về tiền lãi đã nhận do sơ suất trong quá trình cộng sổ nên ông P, bà M trình bày tổng số tiền lãi ông V, bà T đã đóng là 736.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi xem xét lại thì số tiền lãi ông V, bà T đã đóng là 564.000.000đ. Tiền lãi ông V, bà T đóng vượt quá quy định thì ông P, bà M đồng ý khấu trừ vào tiền nợ gốc vay. Cụ thể tiền lãi tính như sau:

| Thời gian | Nợ gốc       | Thời gian tính lãi             | Tiền lãi đã đóng | Tiền lãi theo quy định 1.67%/tháng | Tiền lãi vượt | Nợ gốc sau khấu trừ lãi vượt |
|-----------|--------------|--------------------------------|------------------|------------------------------------|---------------|------------------------------|
| 10/2017   | 130.000.000đ | 10/2017 - 4/2023<br>(66 tháng) | 171.600.000đ     | 143.286.000đ                       | 28.314.000đ   | 101.686.000đ                 |
| 8/2018    | 220.000.000đ | 8/2018 - 4/2023<br>(56 tháng)  | 246.400.000đ     | 205.744.000đ                       | 40.656.000đ   | 179.344.000đ                 |
| 11/2019   | 120.000.000đ | 11/2019 - 4/2023<br>(41 tháng) | 98.400.000đ      | 82.164.000đ                        | 16.236.000đ   | 103.764.000đ                 |
| 12/2020   | 150.000.000đ | 12/202 - 4/2023                | 84.000.000đ      | 70.140.000đ                        | 13.860.000đ   | 136.140.000đ                 |

|         |             |            |  |  |  |              |
|---------|-------------|------------|--|--|--|--------------|
|         |             | (28 tháng) |  |  |  |              |
| 05/2023 | Tổng nợ gốc |            |  |  |  | 520.934.000đ |

Đến cuối tháng 10/2023, ông V, bà T trả được 25.000.000đ nợ gốc, còn lại 495.934.000đ. Vì vậy, ông P, bà M yêu cầu tính lãi phát sinh theo lãi suất 1,67%/tháng, thời gian tính lãi trên nợ gốc như sau:

| Thời gian | Nợ gốc       | Thời gian tính lãi            | Tiền lãi theo quy định |
|-----------|--------------|-------------------------------|------------------------|
| 05/2023   | 495.934.000đ | 05/2023- 8/2024<br>(15 tháng) | 124.233.000đ           |

Yêu cầu ông V và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông P, bà M một lần với tổng số tiền 635.576.000đ, trong đó: Nợ gốc vay 495.943.000đ, tiền lãi 124.233.000đ, tiền hui là 15.400.000đ. Tiếp tục tính lãi phát sinh trên nợ gốc vay 495.943.000đ, lãi suất 1,67%/tháng tại giai đoạn thi hành án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:*

- Về yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa ông P, bà M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ gốc vay 99.066.000đ và tiền lãi 66.167.000đ là hoàn toàn tự nguyện nên đề Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, bà M đối với ông V, bà T. Buộc ông V, bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông P, bà M tổng số tiền 635.576.000đ, trong đó: Nợ gốc vay 495.943.000đ, tiền lãi 124.233.000đ, tiền hui là 15.400.000đ và tiếp tục tính lãi phát sinh trên nợ gốc vay 495.943.000đ theo lãi suất 1,67%/tháng tại giai đoạn thi hành án là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hui với bị đơn, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, hui”. Bị đơn có nơi cư

trú tại xã MĐ, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P và bà Phạm Hà M có văn bản ủy quyền cho ông Trần H Y đại diện tham gia tố tụng. Xét văn bản ủy quyền của ông P và bà M là phù hợp với quy định pháp luật và không có căn cứ thể hiện người được ủy quyền thuộc trường hợp không được tham gia ủy quyền. Vì vậy, việc ủy quyền của ông P và bà M cho ông Y được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Tại phiên tòa ông P, bà M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ gốc vay 99.066.000đ và tiền lãi 66.167.000đ. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, bà M là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên ông V, bà T vắng mặt không lý do. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2025 ông V và bà T thừa nhận nợ như ông P, bà M yêu cầu tại đơn khởi kiện. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lời thừa nhận của ông V, bà T là chứng cứ để giải quyết vụ án.

## [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông P, bà M với ông V, bà T xác lập hợp đồng vay tài sản và hui trên cơ sở tự nguyện, hình thức giao dịch bằng hành vi cụ thể. Khi xác lập giao dịch các bên đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nội dung và mục đích của giao dịch không trái quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản và hui giữa ông P, bà M với ông V, bà T là phù hợp với quy định, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ gốc: Ông V, bà T thừa nhận còn nợ ông P, bà M nợ gốc vay 595.000.000đ và nợ tiền hui 15.400.000đ. Tại phiên tòa ông P, bà M chỉ yêu cầu ông V, bà T trả nợ gốc vay 495.943.000đ (sau khi khấu trừ tiền lãi vượt quy định) và tiền hui là 15.400.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay tài sản hai bên không thỏa thuận thời hạn vay tuy nhiên việc ông V, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ tháng 5/2023 đến nay là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, bà M và hiện nay hui do ông V, bà T làm chủ đã vỡ. Căn cứ khoản 1 Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông P, bà M là có cơ sở nên chấp nhận. Ông V,

bà T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông P, bà M nợ gốc vay 495.943.000đ và tiền hui là 15.400.000đ.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi và lãi suất: Ông P, bà M yêu cầu tính lãi từ tháng 5/2023 đến tháng 8/2024 trên nợ gốc 495.943.000đ, lãi suất 1,67%/tháng là 124.233.000đ. Ông V, bà T thừa nhận thời gian nợ tiền lãi, thống nhất lãi suất và tiền lãi còn nợ từ tháng 05/2023 đến tháng 8/2024. Xét thấy, ông P, bà M, ông V, bà T đã thống nhất về thời gian tính lãi và lãi suất và sự thống nhất của các ông bà là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, yêu cầu tính lãi trên nợ gốc 495.943.000đ kể từ tháng 5/2023 đến tháng 8/2024, lãi suất 1,675/tháng với số tiền 124.233.000đ của ông P, bà M đối với ông V, bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 495.943.000đ theo lãi suất 1,67%/tháng.

[2.4] Đối với nợ hui 154.000.000đ, ông P, bà M không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông P, bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ông P, bà M được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông V, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 5 và Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng P, bà Phạm Hà M đối với ông Hà Thanh V và bà Trần Thị T về nợ gốc vay 99.066.000đ (chín mươi chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) và tiền lãi 66.167.000đ (sáu mươi sáu triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng P, bà Phạm Hà M đối với ông Hà Thanh V và bà Trần Thị T.

Buộc ông Hà Thanh V và bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Hồng P, bà Phạm Hà M tổng số tiền 635.576.000đ (sáu trăm ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc vay 495.943.000đ (bốn trăm chín mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng), tiền lãi 124.233.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng), tiền hui 15.400.000đ (mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 495.943.000đ (bốn trăm chín mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo lãi suất 1,67%/tháng.

### 3. Về án phí dân sự:

Ông Hà Thanh V bà Trần Thị T phải chịu 29.423.000đ (hai mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hồng P, bà Phạm Hà M được nhận lại 18.012.000đ (mười tám triệu không trăm mười hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009121 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – An Giang).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Quang**